

Từ Bhagavati đến Po Inur Nugar: Lịch sử “Dệt” của đền - tháp Po Nagar từ tiếp cận liên ngành

Đồng Thành Danh^a

Tóm tắt:

Bài viết vận dụng lý thuyết “dệt lịch sử” (weaving history) từ tiếp cận liên ngành để nghiên cứu tiến trình biến đổi tín ngưỡng và hình tượng Nữ thần tại Tháp Bà Po Nagar (Nha Trang). Trong đó, mệnh đề trung tâm gắn liền với ba danh xưng Bhagavati, Yang Pu Nagara và Po Inur Nugar đóng vai trò là một trục khảo sát hệ thống tư liệu (văn khắc Sanskrit/Chăm cổ, truyền thuyết dân gian, thực hành đương đại), chứ không đại diện cho ba giai đoạn mang tính loại trừ hay thay thế lẫn lộn về đối tượng thờ tự. Qua trục khảo sát này, nghiên cứu làm sáng tỏ hai nội dung cốt lõi: (1) Cả ba danh xưng thể hiện sự đồng hiện, đan gài và tích tầng của các lớp thần tính (Ấn Độ giáo, bản địa hóa vương quyền, dân gian hóa) trong cùng một không gian thiêng; (2) Sự xuất hiện của các danh xưng phản ánh sự chuyển dịch giữa các nhóm chủ thể sùng bái (từ tầng lớp tinh hoa hoàng gia đến cộng đồng dân gian) và sự tái diễn giải liên tục giữa thần học Hindu với tín ngưỡng bản địa. Qua đó, Tháp Bà Po Nagar được nhìn nhận như một cấu trúc ký ức sống động tích hợp đa tầng văn hóa - tôn giáo trong lịch sử Champa và Đông Nam Á.

Từ khóa: *Tháp Bà Po Nagar; Bhagavati; Yang Pu Nagara; Po Inur Nugar; dệt lịch sử*

^a Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Khánh Hòa. Số nhà 17/25, đường 08, Khu đô thị Lê Hồng Phong 1, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. e-mail: danhdong93@gmail.com

From Bhagavati to Po Inur Nugar: The “Woven” History of the Po Nagar Temple from an Interdisciplinary Approach.

Dong Thanh Danh^a

Abstract:

Applying the “weaving history” framework within an interdisciplinary approach, this article examines the transformation of religious practices and the divine persona at the Po Nagar temple (Nha Trang). The central proposition encompassing the three designations - Bhagavati, Yang Pu Nagara, and Po Inur Nugar - serves as a comprehensive analytical axis across diverse source materials (Sanskrit/ol Cham epigraphy, folk legends, contemporary rituals), rather than denoting mutually exclusive chronological stages or the successive replacement of three distinct deities. Through this analytical framework, the study demonstrates two principal points: (1) The three designations represent the co-presence, interplay, and stratification of layered divine attributes within a single sacred space; (2) The evolution of these names corresponds to shifts among different worshipper groups (from the royal elite to the local folk community) and the ongoing reinterpretation between Hindu theology and indigenous beliefs. Ultimately, the Po Nagar sanctuary is understood as a living memory structure that continuously weaves multifaceted cultural and religious layers throughout the history of Champa and Southeast Asia.

Keywords: *Po Nagar Temple; Bhagavati; Yang Pu Nagara; Po Inur Nugar; Weaving history*

Received: 3.7.2026. **Accepted:** 15.10.2026. **Published:** 31.10.2026

DOI: 10.59907/daujs.5.5.2026.615

^a Khanh Hoa Historical Science Association; No. 17/25, Street 08, Le Hong Phong 1 Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province

Dẫn nhập

Tháp Bà Po Nagar hiện nay được biết đến như một không gian thờ tự linh thiêng, nơi người Chăm tôn kính Po Inur Nugar (Thần Mẹ xứ sở) và người Việt thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Từ thực hành tín ngưỡng đương đại ấy, ngôi tháp hiện ra trước hết như một trung tâm thờ Mẫu sống động, nơi các nghi lễ, huyền thoại và ký ức cộng đồng vẫn tiếp tục được duy trì và tái tạo. Tuy nhiên, khi lần theo các lớp bia ký cổ, hình tượng Nữ thần tại đây còn xuất hiện dưới các danh xưng Bhagavati và Yang Pu Nagara, gắn với bối cảnh thần quyền và hệ tư tưởng Ấn hóa của vương quốc Champa trung đại. Sự đa dạng về tên gọi và tầng nghĩa này đặt ra câu hỏi về tính liên tục và biến đổi của tiến trình thờ tự tại cùng một không gian thiêng qua nhiều thế kỷ.

Bài viết này vận dụng lý thuyết “dệt lịch sử” (weaving history) để kể lại tiến trình ấy như một chuỗi liên tục được đan kết từ nhiều “sợi chỉ” khác nhau: thực hành tín ngưỡng hiện tại, truyền thuyết dân gian, ký ức cộng đồng, cùng với hệ thống văn khắc và tư liệu lịch sử cổ. Thay vì tách rời hay đối lập các lớp nghĩa, cách tiếp cận này xem chúng như những tầng đan xen cấu thành lịch sử sống của ngôi tháp. Qua đó, nghiên cứu hướng đến việc tái hiện một bức tranh đa chiều về sự hình thành, biến đổi và tái định nghĩa hình tượng nữ thần tại Tháp Bà trong dòng chảy lịch đại của lịch sử Champa và khu vực Đông Nam Á.

Lấy cảm hứng từ cách thức dệt truyền thống của người Chăm, lý thuyết “dệt lịch sử” do Quảng Đại Tuyên, Đồng Thành Danh và William B. Noseworthy phát triển là một cách tiếp cận đa ngành nhằm tái cấu trúc lịch sử Chăm thông qua sự kết nối linh hoạt giữa các lớp tư liệu khác nhau. Lý thuyết này không xem lịch sử như một trục tuyến tính duy nhất mà như một tấm vải được đan kết từ nhiều “sợi chỉ” thuộc các thời đoạn khác nhau. Các sợi chỉ ấy có thể đến từ khảo cổ học, kiến trúc, văn khắc học, thư tịch cổ, dân tộc học, lịch sử truyền miệng và huyền thoại dân gian; khi được đan lại, chúng tạo nên một cấu trúc diễn giải phức hợp, cho phép nhận diện sự tiếp nối và đứt gãy trong ký ức văn hóa. Trường hợp Tháp Hòa Lai cho thấy rõ hiệu quả của cách tiếp cận này: thay vì bác bỏ truyền thuyết về cuộc thi xây tháp với người Khmer hay phủ nhận quan niệm hiện đại xem đây là “tháp bỏ hoang”, lý thuyết “dệt lịch sử” đặt các lớp ký ức ấy song song với tư liệu bia ký thế kỷ VIII - IX để kiến tạo một diễn giải toàn diện hơn. Nhờ đó, di tích không chỉ được nhìn như một thực thể khảo cổ cố định, mà như một không gian ký ức sống động, nơi các tầng nghĩa lịch sử, văn hóa và bản sắc tiếp tục được tái định hình qua thời gian (Tuyên Đại Quang et al. 2023).

Về các nguồn tài liệu chủ yếu để nghiên cứu về tiến trình thờ tự tại Tháp Bà Po Nagar, có thể kể đến ba nhóm tư liệu quan trọng dưới đây:

- Nguồn tư liệu thứ nhất cho nghiên cứu về tiến trình thờ tự tại Tháp Bà Po Nagar là hệ thống bia ký Champa niên đại từ thế kỷ VIII đến XIII. Các văn khắc Sanskrit và Chăm cổ ghi nhận việc kiến tạo, trùng tu đền tháp, các nghi thức hiến cúng và danh xưng của nữ thần như Bhagavati và Yang Pu Nagara, qua đó phản ánh vai trò của nữ thần trong cấu

trúc thần quyền vương triều. Những khảo cứu về hệ thống văn bia này đã được công bố và phân tích trong các công trình chuyên sâu về văn khắc học Champa (Majumdar 1927; Schweyer 2004; 2005), cung cấp nền tảng tư liệu gốc để tái dựng lịch sử tôn giáo và chính trị của thánh địa.

- Nguồn tư liệu thứ hai bao gồm kho tàng truyền thuyết, thánh ca và ký ức dân gian của cả người Chăm và người Việt. Huyền thoại sáng thế Chăm về Po Inur Nugar, các bài thánh ca trong nghi lễ Balamôn và Bani (Sakaya 2013, 2018). Cũng như các truyền thuyết về Thiên Y A Na trong văn hóa Việt cho thấy sự tiếp biến và tái diễn giải hình tượng nữ thần qua các bối cảnh lịch sử khác nhau. Những lớp tư liệu này phản ánh chiều kích emic của cộng đồng bản địa, đồng thời cho thấy quá trình Việt hóa và bản địa hóa diễn ra trong không gian thờ tự (Nguyễn Thế Anh, 1995).

- Các nguồn tư liệu thứ cấp nghiên cứu về Tháp Bà Po Nagar và Nữ thần Po Inur Nugar. Nhóm này có thể được quy tụ vào ba hướng tiếp cận chính: nghiên cứu về sự biến đổi thần tính, văn khắc học - kiến trúc và dân tộc học đương đại. Ở hướng thứ nhất, Noseworthy (2015) phân tích vị thế “Mẹ Xứ Sở” của Po Inur Nugar trong cấu trúc vũ trụ luận và ký ức lịch sử Chăm, trong khi Nguyễn Thế Anh (1995) làm rõ quá trình Việt hóa Nữ thần này thành Thiên Y A Na trong bối cảnh giao thoa văn hóa Việt - Chăm. Ở hướng thứ hai, các công trình của Majumdar (1927), Maspero (1928), Golzio (2004) và Schweyer (2005), cung cấp nền tảng văn khắc học và dữ liệu lịch sử về hoạt động xây dựng, hiến cúng và vai trò của nữ thần trong cấu trúc thần quyền Champa; đồng thời Trần Kỳ Phương và Nakamura (2008) đặt Tháp Bà Po Nagar trong mô hình vũ trụ luận nhị nguyên khi so sánh với thánh địa Mỹ Sơn. Cuối cùng, các nghiên cứu của Sakaya (Trương Văn Món, 2003, 2010, 2013, 2018) bổ sung chiều kích dân tộc học thông qua việc khảo sát huyền thoại, thánh ca và thực hành nghi lễ đương đại. Đặc biệt gần đây, các nghiên cứu của Lê Trí Công đặt ra giả thuyết trong một số giai đoạn các thần tính và danh xưng Phật giáo mật tông (chẳng hạn nữ thần Mahapratishara) cũng được sử dụng cho đối tượng thờ tự chính tại Tháp Bà Po Nagar (Lê Trí Công 2026).

Việc kết hợp *bia ký Champa (nguồn sơ cấp)*, *truyền thuyết dân gian và thánh ca (nguồn thứ cấp dân gian)*, và các *nghiên cứu học thuật (nguồn thứ cấp học thuật)* sẽ cho phép một phân tích đa tầng, theo lý thuyết *dệt lịch sử*, nhằm làm sáng tỏ tiến trình biến đổi tín ngưỡng tại Tháp Bà Po Nagar từ thời Siva giáo Ấn hóa đến thực hành thờ cúng Thần Mẹ xứ sở bản địa hiện nay (của cả người Việt, Chăm và Raglai). Ngoài phương pháp tổng hợp và phân tích tư liệu, bài viết này cũng thu thập các dữ liệu từ thực địa (quan sát tham dự các di tích, nghi lễ và phỏng vấn các chức sắc, người cao tuổi) để bổ sung các thông tin về thực hành tín ngưỡng thờ Po Inur Nugar trong cộng đồng người Chăm hiện nay.

Sự kết hợp các hướng tiếp cận đa tư liệu, liên ngành này cho phép nhìn nhận Tháp Bà Po Nagar và tín ngưỡng Po Inur Nugar như một cấu trúc tôn giáo - văn hóa đa tầng, liên tục vận động trong dòng chảy lịch sử. Tuy nhiên về giới hạn đối tượng nghiên cứu bài viết này

chỉ tập trung vào quá trình thay đổi danh xưng (không phải thay thế đối tượng theo mô hình chuyển tiếp đơn tuyến hay loại bỏ hoàn toàn thần tính của một vị thần) của mệnh đề trung tâm: Bhagavati → Yang Pu Nagara → Po Inur Nugar theo trục khảo sát tư liệu qua các thời kỳ lịch sử Tháp Bà Po Nagar và sau đó dịch chuyển về cộng đồng người Chăm đương đại. Tác giả sẽ không đi sâu vào việc nghiên cứu các danh xưng khác (nếu có) của Nữ thần hay các tín ngưỡng đương đại tại Tháp Bà Po Nagar nói riêng và thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Thiên Y A Na của người Việt nói chung.

Một ngôi đền Hindu điển hình: Tín ngưỡng thờ Bhagavati (vợ thần Shiva) thuở ban đầu *Thời kỳ huyền sử và sơ khai (trước thế kỷ VIII)*

Theo các văn bia Champa, đặc biệt là C.38 và C.28, thánh địa Kauthara - nay là khu di tích Tháp Bà Po Nagar - được khởi nguyên trong huyền sử dưới thời vua Vicitrasagara, người được cho là đã thiết lập một Mukhalinga (Linga có mặt thần) để thờ Shiva tại đây. Chi tiết này phản ánh vai trò trung tâm của Shiva giáo trong cấu trúc thần quyền Champa, đồng thời khẳng định tính chất hoàng gia của thánh địa (Schweyer 2004: 114).

Đáng chú ý, bia C.28 (năm 1143) còn đẩy niên đại khởi dựng ngôi đền về quá khứ hơn 1,7 triệu năm, một thủ pháp huyền sử nhằm thiêng hóa không gian thờ tự và đặt nó vào bình diện thời gian vũ trụ luận Ấn Độ giáo, vượt khỏi giới hạn lịch sử thực chứng. Huyền sử “phóng đại” này chỉ được ghi nhận cụ thể qua các ghi chép của Aymonier (1891: 24):

“... Một trong những bia khắc này, có niên đại năm 784, ghi rõ rằng ngôi đền Po Nagar hiện tại được xây dựng trên địa điểm của linga Kauthara do vua Vicitra-Sagara dựng lên vào năm 5911 của thời đại Dvapara, tức là cách đây vài trăm nghìn năm. Một dòng chữ khắc khác từ Tháp Bà Po Nagar này, có niên đại năm 1143, được viết bằng chữ Chăm cổ nhưng sử dụng nhiều thuật ngữ tiếng Phạn, càng phóng đại thêm tính cổ xưa của niên đại đáng kinh ngạc của linga Kauthara và cho chúng ta biết rằng “Vicitra-Sagara đã tặng linga Kauthara này cách đây 1.740.500 năm” (hoặc 1.780.500 năm trước)...”.¹

Thời kỳ này trọng tâm là thờ Linga chứ chưa nhấn mạnh vào hình tượng Nữ thần độc lập. Các tư liệu cũng cho biết kiến trúc ban đầu của đền chỉ là cấu trúc bằng gỗ, phù hợp với truyền thống kiến trúc bản địa Đông Nam Á trước khi chuyển sang xây dựng bằng gạch và đá trong các thế kỷ sau (Majumdar 1927: 253 - 254).

Thời kỳ Satyavarman và biến cố thế kỷ VIII tại Kauthara

Theo các tư liệu văn bia Champa, mà Schweyer (2009: 21) dẫn lại, năm 774 thánh địa Kauthara đã bị những toán cướp biển đến từ Java - được mô tả là “người mặt đen” - tấn công, đốt phá ngôi đền gỗ và cướp đi bệ thờ Linga. Sự kiện này phản ánh bối cảnh giao

¹ Lưu ý rằng đây chỉ là huyền sử, mang tính phóng đại, được ghi chép muộn, chứ không hề ghi nhận niên đại hình thành chính xác của Tháp Bà Po Nagar.

thương và xung đột hàng hải phức tạp tại Đông Nam Á thế kỷ VIII, khi Champa giữ vị trí chiến lược trên tuyến hải thương quốc tế.

Đến năm 784, vua Satyavarman sau khi đánh đuổi quân xâm lược đã cho tái thiết thánh địa bằng kiến trúc gạch thay cho kết cấu gỗ trước đó, đồng thời thiết lập một Linga mới mang tên *Satyamukhalinga*. Đây là một bước ngoặt quan trọng không chỉ về mặt vật liệu xây dựng mà còn về ý nghĩa biểu tượng: việc đặt tên Linga gắn với vương hiệu nhà vua thể hiện sự tái khẳng định quyền lực thần quyền và chủ quyền chính trị sau biến cố ngoại xâm. Lúc này, bia ký đã bắt đầu nhắc đến Bhagavati (Shakti) như là “vị nữ thần của Kauthāra” và là một phần hợp nhất với thân thể của thần Siva (Schweyer 2004: 118).

Cùng với các bia ký tại Tháp Bà Po Nagar, bia ký Phước Thiện được phát hiện muộn hơn và dịch thuật gần đây cũng ghi lại sự kiện vua Satyavarman đã tiến hành tái thiết ngôi tháp và tái thiết lập sự phụng tế các vị thần tại Kauthara (Griffiths & Southworth 2007: 349 - 381). Bia Phước Thiện rất quan trọng, vì nội dung của nó gợi mở rằng đức thần ambhu hay chính là Shiva (đối tượng thờ phụng chính tại Tháp Bà Po Nagar thời điểm bấy giờ) được tôn vinh cùng với người bạn đời của Ngài, tức là “Nữ chủ” hay Bhagavati (Yang Pu Nagara sau này). Bia ký này cũng lưu ý rằng vào thời kỳ này, nữ thần Po Nagar chủ yếu được coi là vị thần bảo hộ địa phương của vùng Kauthara, cộng sinh cùng Linga của thần Shiva.

Cũng từ đây, Tháp Bà Po Nagar - thánh địa của Kauthara, bước sang giai đoạn kiến trúc bền vững hơn, đánh dấu sự chuyển đổi căn bản trong lịch sử xây dựng đền tháp Champa. Như vậy, sự kết hợp giữa huyền thoại sáng thế, biểu tượng Mukhalinga và tiến trình chuyển đổi vật liệu kiến trúc cho thấy quá trình hình thành và thiêng hóa lâu dài của trung tâm tôn giáo Kauthara trong lịch sử Champa.

Sự mở rộng dưới triều Harivarman I và vai trò của Senapati Par (Thế kỷ IX)

Bia ký C.31, ghi nhận rằng vào năm 817, dưới triều vua Harivarman I, vị tướng Senapati Par đã tiến hành một đợt kiến thiết quy mô lớn tại Tháp Bà Po Nagar, đánh dấu giai đoạn hoàn chỉnh cấu trúc đền tháp theo mô hình Shiva giáo phát triển. Cũng theo bia ký này, Senapati Par đã cho tạc một tượng đá mới của nữ thần Bhagavati để thay thế cho pho tượng cũ đã bị lấy mất trước đó, tòa tháp chính (tháp A) hiện nay được cho là đã hoàn thành vào giai đoạn này để chính thức tôn thờ nữ thần từ đó đến nay (Majumdar 1927: 63; Schweyer 2004: 118 - 119). Như vậy, đây là thời điểm, Bhagavati được thờ phụng dưới dạng ngẫu tượng riêng biệt thay vì tồn tại dưới dạng kết hợp với thần Shiva như trước đó dưới dạng Mukhalinga (Schweyer 2004: 128 - 129).

Ngoài tháp chính (A) thờ Bhagavati - hiện thân nữ thần quyền năng, phối ngẫu của Shiva - Senapati Par cho xây dựng thêm ba tháp phụ (tương ứng với các tháp B, C và F ngày nay). Tháp B, theo Schweyer (2004: 132) dẫn lại thuật ngữ trong bia ký C.31, phụng thờ Sandhakalinga, tức Linga lưỡng tính (hermaphrodite), biểu tượng của sự hợp nhất giữa nguyên lý nam (Shiva) và nữ (Bhagavati), phản ánh tư duy nhất nguyên trong thần học Ấn Độ giáo. Các tháp C và F thờ các thần liên hệ như Ganesha (Vinayaka), vị thần trí tuệ

và hộ trì, cùng Malada Kuthara - một thần linh bản địa được Ấn Độ hóa (Majumdar 1927: 63; Schweyer 2004: 134). Sự mở rộng này không chỉ gia tăng quy mô kiến trúc mà còn hoàn thiện hệ thống thần điện theo cấu trúc gia đình thần linh (divine pantheon), qua đó củng cố vai trò của Kauthara như một trung tâm tôn giáo - chính trị quan trọng của Champa thế kỷ IX.

Biến động tượng thờ thế kỷ X và sự thay thế pho tượng vàng

Thế kỷ X đánh dấu một giai đoạn biến động đáng kể trong lịch sử thờ tự tại thánh địa Tháp Bà Po Nagar. Năm 918, dưới triều Indravarman III, một pho tượng nữ thần Bhagavati bằng vàng đã được đúc để tôn trí trong tháp chính, cho thấy tiềm lực kinh tế và mức độ sùng kính đặc biệt đối với nữ thần bảo trợ vương quyền (Majumdar 1927: 188). Tuy nhiên, trong giai đoạn 945 - 947, quân đội Khmer tiến hành xâm lược Champa và cướp đi pho tượng vàng này, phản ánh cục diện đối đầu chính trị - quân sự giữa hai vương quốc trong không gian hải lục Đông Nam Á (Lafont 2011: 153).

Đến năm 965, vua Jaya Indravarman I đã cho thay thế pho tượng bị mất bằng một tượng đá sa thạch. Pho tượng đá - thường được xác định là tượng nữ thần mười tay hiện còn được thờ phụng - thể hiện phong cách nghệ thuật Champa thế kỷ X, dù phần đầu đã được thay thế ở giai đoạn muộn hơn (Majumdar 1927: 188; Schweyer 2004: 130). Sự chuyển đổi từ tượng vàng sang tượng đá không chỉ là biện pháp khắc phục sau chiến tranh mà còn phản ánh xu hướng ổn định hóa và “vĩnh cửu hóa” hình tượng thần linh trong không gian kiến trúc gạch đá, qua đó tái khẳng định tính liên tục của truyền thống thờ Bhagavati tại Kauthara.

Quá trình bản địa hóa Nữ thần tại Kauthara (từ thế kỷ XI - XVII)

Sự tôn vinh “Nữ thần của vương quốc”: Yang Pu Nagara (thế kỷ XI - XIII)

Năm 1050, dưới triều Paramesvaravarman I, nhà vua đã dâng cúng nhiều lễ vật bằng vàng, bạc và thiết lập một “bình vàng” tại nơi vị Nữ thần ngự tọa như biểu tượng của sự phồn thịnh và tính chính danh vương quyền. Vị thần được thờ cúng không được nêu tên; Bà vẫn được gọi là “Nữ thần”, người mà nhiều lễ vật vẫn được dâng tặng vào năm 1064 CN (C.31 A 2). Có lẽ bức phù điêu trên mái hiên ở lối vào phía Đông của tháp có niên đại từ thời kỳ này, nó mô tả một nữ thần bốn tay đang nhảy múa trên một con bò/trâu nhỏ (Boisselier 1963: 309 - 310).

Đặc biệt, cũng trong khoảng giai đoạn này, trong cuộc chinh phạt của nhà Lý vào lãnh thổ Champa năm 1069, sách *Việt điện u linh*, của Đại Việt bắt đầu ghi nhận về một vị Nữ thần “hóa thân trong thân cây và có khả năng triệu hồi mưa theo ý muốn, nữ thần đất đai của miền Nam vương quốc” đã hiển linh trước mặt vua Nhà Lý trong cuộc viễn chinh. Các học giả như Nguyễn Thế Anh (1995) và Schweyer (2005) đều khẳng định đó chính là

Po Inu Nugar của người Chăm. Đó là các phán đoán dựa vào huyền sử dân gian, tuy nhiên về mặt tín ngưỡng, điều này cho thấy sự tiếp nhận và đưa vào thần phả của người Việt, một vị thần bản địa, được thừa nhận bởi triều đình nhà Lý, nhưng quan trọng hơn, từ góc độ chính trị đó là việc thiết lập sự hòa hợp giữa các quyền lực siêu nhiên bản địa với vương quyền mới tại các vùng đất họ chinh phục, để khẳng định tính chính danh của vương triều Lý nói riêng và Đại Việt sau này nói chung trên vùng đất mới.

Quay trở lại lịch sử Champa và Tháp Bà Po Nagar, từ nửa cuối thế kỷ XI, cụ thể là vào năm 1084, các văn khắc tại Tháp Bà Po Nagar ghi nhận sự chuyển đổi danh xưng từ Bhagavati - thuật ngữ Ấn Độ giáo chỉ nữ thần tối thượng - sang tên gọi tiếng Chăm bản địa Yang Pu Nagara (Nữ thần của xứ sở) (Majumdar 1927: 188; Schweyer 2004: 130 - 131). Các học giả như Majumdar và Schweyer viết về sự xuất hiện của danh xưng này như sau:

“...Vào năm 1084, vua Paramabodhisatva, cùng với em gái và con trai cả của mình, đã dâng tặng nữ thần, trong số những thứ khác, voi, vương miện vàng, vòng cổ trang trí bằng đá quý và nhiều đồ trang sức và dụng cụ khác bằng vàng và bạc...” (Majumdar 1927: 188).

“... Chỉ đến năm 1084 CN (C.30 A 1), trong bản khắc chữ Chăm đầu tiên của tháp A, thuật ngữ “Yān pu nagara” mới xuất hiện để chỉ nữ thần, bên cạnh đó một “nữ thần nhỏ” (yān pu aneh) được tôn thờ, có lẽ là nữ thần mang dòng chữ C.39, nay đã mất, và được giới thiệu là con gái của nữ thần vĩ đại. Vào quý cuối cùng của thế kỷ 11, nữ thần gắn liền với Shiva là “yān pu nagara được gọi là Maladākuthāra...” (Schweyer 2004: 130).

Sự thay đổi này phản ánh một bước phát triển quan trọng trong tiến trình bản địa hóa. Trước hết, sự thay đổi về ngôn ngữ, sự định danh nữ thần giờ đây đã bằng một danh xưng bản địa thay vì danh xưng từ thần thoại Ấn Độ. Thứ hai, Nữ thần giờ đây không còn chỉ được hiểu như phối ngẫu của Shiva trong hệ thống thần học Hindu giáo, mà đã được nâng lên thành vị thần chủ tế tối cao, bảo hộ lãnh thổ và vương quyền Champa ở vùng Kauthara. Điều này cho thấy sự dung hợp sâu sắc giữa Shiva giáo và tín ngưỡng của vương triều bản địa. Từ đây, Yang Pu Nagara trở thành biểu tượng thiêng liêng của vương quốc Champa, vừa mang nội hàm vũ trụ luận Ấn Độ, vừa thể hiện bản sắc văn hóa - chính trị riêng của giới tinh hoa bản địa (hoàng gia, quý tộc).

Bảng 1: Sự thay đổi danh xưng vị Nữ thần chính tại Tháp Bà Po Nagar qua các thời kỳ.

Danh xưng	Niên đại xuất hiện	Tư liệu đối chứng	Đối tượng phụng thờ	Tính chất tín ngưỡng/tôn giáo
<i>Bhagavati</i>	817	Bia ký C.31	Hoàng gia quý tộc ảnh hưởng Hindu giáo thời kỳ đầu	Hoàn toàn mang thần tính Hindu giáo

Danh xưng	Niên đại xuất hiện	Tư liệu đối chứng	Đối tượng phụng thờ	Tính chất tín ngưỡng/tôn giáo
<i>Yang Pu Nagara</i>	1084	Bia ký C.30	Hoàng gia quý tộc ảnh hưởng Hindu giáo thời kỳ đầu	Kết hợp giữa lớp thần tính Hindu giáo trong danh xưng bản địa (Chăm cổ)
<i>Po Inur Nugar</i>	Khoảng thế kỷ XV - XVII	Thư tịch cổ; Lịch sử truyền miệng	Tầng lớp bình dân	Lớp thần tính bản địa ảnh hưởng tàn dư Hindu giáo

Trong các thế kỷ XII - XIII, đền thờ nữ thần Yang Pu Nagara tại Tháp Bà Po Nagar tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong đời sống tôn giáo và chính trị của vương quốc Champa, thể hiện qua chuỗi bia ký ghi nhận các hoạt động dâng cúng quy mô lớn của hoàng gia. Vào năm 1160 sau Công nguyên, vua Harivarman, sau khi chiến thắng tất cả kẻ thù, cả trong và ngoài nước đã dâng tặng Nữ thần nhiều của cải'. Tiếp đó, vào năm 1167 sau Công nguyên, vua Jaya Indravarman VI, cùng với các hoàng hậu và con gái của mình, đã dâng tặng nhiều của cải cho nữ thần. Vào năm 1233 sau Công nguyên, vua Jaya Paramesvaravarman đã ban tặng đất đai và nô lệ cho nữ thần (Majumdar 1927: 188 - 189). Đến năm 1256, công chúa Suryadevi (hay Ratnavali) cho xây dựng thêm một kiến trúc đền tháp (Tháp D) để thờ Bhagavati Matrilingesvara - hình thức thần linh gắn với tổ tiên hoàng gia - đồng thời đặt ra các quy định dành cho vũ nữ phụng sự tại đền. Bia ký cuối cùng được ghi nhận tại đây mang niên đại 1289 (C.180), có thể cho thấy sự duy trì liên tục của các nghi lễ cho đến khi vương quốc Champa cổ đại suy tàn (Schweyer 2005: 108 - 109).

Những sự kiện này cho thấy sự hoàn chỉnh dần dần của mô hình “mẫu tính thiêng” trong Champa trung đại, nơi yếu tố Ấn Độ giáo và tín ngưỡng bản địa không đối lập mà dung hợp, tạo nên một hệ thống thờ tự vừa mang tính vũ trụ luận vừa gắn chặt với bản sắc chính trị - văn hóa bản địa. Những sự kiện này cũng thể hiện tiến trình thể chế hóa và chính trị hóa tín ngưỡng thờ Yang Pu Nagara, đồng thời phản ánh sự phát triển liên tục của một trung tâm thần quyền gắn chặt với vương quyền Champa tại Tháp Bà Po Nagar.

Sự nhân cách hóa và dân gian hóa thần linh sau thế kỷ XV

Từ sau thế kỷ XV, trong bối cảnh biến động chính trị và sự thu hẹp lãnh thổ Champa, nền văn minh Ấn giáo tại Champa cũng dần suy tàn, hệ thống thần điện mang tính Shiva giáo hoàng gia tại Tháp Bà Po Nagar đã trải qua một quá trình dân gian hóa rõ rệt (Đồng Thành Danh 2022: 20). Hệ quả là các tượng thần Ấn Độ giáo, vốn thuộc hệ thống thần học vũ trụ luận, dần được cộng đồng địa phương “nhân cách hóa” thành những vị thần gần gũi với đời sống thường nhật.

Trong trường hợp Tháp Bà Pô Nagar, người Chăm cũng dần thụ hợp việc thờ các vị thần Ấn Độ như Shiva hay Bhagavati để quay về với tín ngưỡng bản địa. Vị nữ thần tại Tháp Bà Po Nagar vốn được đồng nhất với nữ thần Bhagavati (vợ thần Shiva) và được bản địa hóa thành Yang Pu Nagara tiếp tục được nhân cách hoá và dân gian hoá sâu sắc thành Po Inur Nugar (Thần Mẹ Xứ Sở) - vị thần sáng thế dạy dân cày cấy, dệt vải theo truyền thuyết Chăm (Sakaya, 2013: 218). Từ đây, các bia ký ghi nhận về Bhagavati hay Yang Pu Nagara không còn xuất hiện, thay vào đó là các thư tịch cổ và các câu chuyện truyền miệng của người Chăm ghi lại tiểu sử của vị nữ thần (Sakaya 2013: 89):

“... Po Ina Nagar từ cõi trời giáng thế xuống trần gian có đến “97 người chồng và 36 người con. Mỗi bộ phận của cơ thể Nữ thần còn tượng trưng cho từng bộ phận của vũ trụ. Nữ thần Po Ina Nagar có 8 cái bùa phép (dalapan takai sarak). Mỗi cái bùa Po Ina Nagar tạo lập ra trời đất, mặt trời, mặt trăng (yang harei, yang balan), thân thể con người; thành Chăm Ahier, Chăm Awal. Po Ina Nagar còn tạo ra lịch pháp. Po Ina Nagar lại sinh ra thần Cha (Po yang amâ), thần Siva (ong Sibaiyon), và sinh ra 9 vị thần khác cùng các vị vua Chăm để cai quản đất nước...”.

Sự chuyển đổi từ danh xưng Yang Pu Nagara sang Po Inur Nugar sau thế kỷ XV phản ánh một tiến trình bản địa hóa sâu sắc hơn nữa trong lịch sử tín ngưỡng Chăm, gắn với sự suy tàn của vương quốc Champa và sự tan rã của mô hình thần quyền trung ương của tầng lớp hoàng gia và quý tộc tinh hoa. Nếu trước đó Yang Pu Nagara là Vị thần mẹ xứ sở (Thánh mẫu) mang tính chất bảo hộ cho quốc gia, chịu ảnh hưởng của Hindu giáo, dù chỉ là Hindu giáo mang phong cách Champa, và gắn với quyền lực hoàng gia tại Tháp Bà Po Nagar, thì trong giai đoạn hậu vương triều, Po Inur Nugar được tái định nghĩa như Thần Mẹ của cộng đồng người Chăm - Raglai gắn với các điển tích mang tính chất dân gian địa phương hơn là các thần thoại Hindu (Đồng Thành Danh 2023: 91 - 92).

Sự thay đổi này không chỉ là biến âm ngôn ngữ mà còn thể hiện sự chuyển dịch từ thần quyền chính trị sang tín ngưỡng thờ mẫu bản địa, chuyển dịch từ các nghi thức cúng tế chỉ dành cho hoàng gia và quý tộc sang các nghi lễ mang tính cộng đồng và đại chúng sâu sắc, trong đó yếu tố bản địa được phục hồi và giữ vai trò trung tâm trong đời sống văn hóa - tâm linh của người Chăm hậu trung đại. Sự biến đổi ấy không làm mất đi lớp nền Ấn Độ giáo, mà tái diễn giải nó theo hệ quy chiếu văn hóa bản địa, tạo nên một dạng thức thờ tự linh hoạt, dung hợp, đa tầng và tiếp tục tồn tại bền vững trong đời sống tín ngưỡng miền Trung Việt Nam. Tuy vậy, cần phân biệt rằng sự thay đổi danh xưng từ Yang Pu Nagara sang Po Inur Nugar không phải thay thế đối tượng thờ cúng theo cách hiểu loại trừ nhau mà thể hiện sự đa dạng quan điểm của chủ thể thờ cúng từ tầng lớp tinh hoa (hoàng gia, quý tộc) sang giới bình dân bản địa.

Sự chuyển dịch trung tâm thờ tự Pô Inur Nugar (từ thế kỷ XVIII đến nay)

Các yếu tố lịch sử dẫn đến việc người Chăm từ bỏ thờ cúng tại Tháp Bà Po Nagar trong thế kỷ XVIII

Từ thế kỷ XVII, người Chăm dần dần ít thờ cúng tại Tháp Bà Po Nagar xuất phát từ những biến động lớn về lịch sử, sự thay đổi về hệ tư tưởng tôn giáo và đặc biệt là các cuộc xung đột chính trị. Sau mốc thời gian này, lãnh thổ Champa bị thu hẹp dần về phía Nam. Khi trung tâm quyền lực dịch chuyển về vùng Panduranga (Nam Khánh Hoà và ven biển Lâm Đồng hiện nay), các đền tháp ở phía Bắc như Tháp Bà Po Nagar không còn nằm trong tầm kiểm soát trực tiếp của vương triều Chăm, thậm chí là vùng tranh chấp ảnh hưởng chính trị, điều này đã gây khó khăn cho việc tổ chức các nghi lễ cung đình (Đồng Thành Danh 2022: 283 - 284).

Sự kiện lịch sử đầu tiên ảnh hưởng đến việc thực hành thờ cúng của người Chăm và Raglai tại Tháp Bà Po Inur Nugar có thể là sự kiện năm 1653, vùng Kauthara chính thức thuộc về vùng lãnh thổ của chúa Nguyễn dưới tên gọi mới là Dinh Thái Khang. Việc chuyển đổi chủ quyền kéo theo sự tái cấu trúc không gian văn hóa - tôn giáo; các trung tâm tín ngưỡng Chăm dần mất vai trò chính trị - biểu tượng. Trong thời kỳ này, khi vương quốc Champa chỉ còn tồn tại ở Panduranga, việc duy trì một thánh địa nằm ngoài không gian cư trú chính trở nên khó khăn cả về thực tế lẫn biểu tượng. Dù vậy, đến thế kỷ XVIII, người Chăm vẫn rải rác và duy trì việc hành hương đến Tháp Bà Po Nagar để hành lễ du có thể không liên tục như trước đó.

Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ XVIII, nhất là trong bối cảnh chiến tranh giữa nhà Nguyễn và Tây Sơn. Một mặt, theo các nghiên cứu của Philip Stern và Po Dharma (dẫn lại theo Sakaya 2013: 220) bối cảnh chiến tranh Nguyễn - Tây Sơn khiến Tháp Bà Po Nagar trải qua nhiều lần bị đốt phá và hoang tàn do các cuộc chiến tranh kéo dài, khiến người dân phải rời bỏ và hạn chế việc cúng tế tại đây. Cũng theo Sakaya (2010: 44-45; 2013: 220) cho rằng, khi quân Tây Sơn kiểm soát vùng đất Nha Trang ngày nay, người Chăm không còn được cúng tế tại Tháp Bà Po Nagar nữa và từ đó họ chuyển việc thờ tự Po Inur Nugar về từ Kauthara về vùng Panduranga.

Như vậy, việc người Chăm từ bỏ thờ cúng thường xuyên tại Tháp Bà vào cuối thế kỷ XVIII không phải là một hành động đột ngột, mà là kết quả của tổng hòa chiến tranh, tái cấu trúc quyền lực và biến đổi không gian cư trú qua nhiều giai đoạn. Dù vậy, người Chăm không từ bỏ việc thờ phụng này hoàn toàn, sự tách biệt lãnh thổ và các rào cản tâm linh khiến cho người Chăm một lần nữa tạo ra sự thích ứng về văn hóa bằng cách chuyển dịch không gian thờ tự vị Thần mẹ xứ sở về vùng Panduranga.

Tín ngưỡng thờ Po Inur Nugar trong đời sống người Chăm đương đại

Sau khi trung tâm thờ phụng Po Inur Nugar của người Chăm được chuyển về Panduranga - địa bàn cư trú truyền thống còn lại của cộng đồng này. Tại vùng đất này,

ngôi đền thờ quan trọng để thờ vị Thần mẹ xứ sở là đền thờ Po Inur Nugar Taha mà địa điểm ban đầu là thuộc khu vực giữa làng Mông Đức và làng La Chũ thuộc xã Phước Hữu, tỉnh Khánh Hòa ngày nay, địa điểm này nằm tựa lưng vào con sông Lu bây giờ mà ngày nay chỉ còn là phế tích. Theo lời kể của các chức sắc cao niên, xưa kia vùng Mông Đức là nơi cư trú của người Chăm thuộc làng Hữu Đức (xã Phước Hữu ngày nay).¹

Do những biến cố lịch sử chiến tranh Việt - Pháp, làng và ngôi đền thờ Vị Thần Pô Inur Nugar Taha bị đốt sạch, hiện chỉ còn phế tích đóng gạch vụn và một số di vật thờ tự trong ngôi đền còn sót lại người Chăm còn lưu giữ lại. Từ đó dân làng dời về tự cư tại làng Hữu Đức ngày nay. Đến năm 1953 - 1954 đền mới được khởi công xây dựng lại do Quan Tri huyện An Phước thời bấy giờ có tên là ông Dương Tấn Phát đứng ra tổ chức kêu gọi toàn bộ các dân làng Chăm trong khu vực An Phước đóng góp công, tiền của xây cất lại ngôi đền để thờ Vị thần Pô Inur Nugar tại vị trí hiện nay. Trải qua thời gian, ngôi đền này cũng trải qua nhiều lần trùng tu và sửa chữa (Sở Văn hóa - Thông tin Ninh Thuận 1998: 2).

Bên cạnh đền thờ Po Inur Nugar Taha ở Hữu Đức, người Chăm trong vùng còn thờ Thần ở các đền Po Inur Nugar Hamu Kut tại thôn Bình Nghĩa (xã Ninh Hải, tỉnh Khánh Hòa) và Po Inur Nugar Hamu Mubek ở thôn Vụ Bản (xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa) ... nơi Nữ thần được thờ dưới dạng các phiến đá tự nhiên. Sự đa dạng về địa điểm phối thờ Po Inur Nugar còn biểu hiện ở nhiều đền, miếu thờ nhỏ và rải rác khác như Po Inur Nugar Sak (xã Phước Hữu, tỉnh Khánh Hòa), Po Inur Nugar Hamu Parik (xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng).²

... Sự hiện diện dày đặc của các cơ sở thờ tự này cho thấy Panduranga đã trở thành không gian linh thiêng kế tục vai trò của Kauthara trong truyền thống thờ Po Inur Nugar trong đời sống tâm linh của người Chăm.

Tín ngưỡng thờ Po Inur Nugar hiện diện trong hầu hết các lễ tục truyền thống của người Chăm, không phân biệt cộng đồng Ahiér (Balamôn) hay Awal (Bàni). Lễ Cambur (tháng 9 lịch Chăm) là Đại lễ chính thức dành riêng cho Nữ thần, bao gồm nghi thức rước y trang, tắm tượng, mặc y trang và hát thánh ca và múa nghi lễ để ca ngợi Nữ thần và các thần linh. Trong lễ Katé (tháng 7 lịch Chăm), dù tưởng niệm các am thần, nghi thức tại đền Po Inur Nugar vẫn giữ vai trò không thể thiếu như một phần quan trọng của lễ nghi thiêng liêng.³ Hiện nay, dưới tác động của du lịch và hiện đại hóa, không gian thiêng và một số nghi thức truyền thống có nhiều biến đổi. Tuy nhiên, việc duy trì hệ thống lễ tục, nghi lễ

¹ Thông tin phỏng vấn ông Vạn Thanh Hùng (sinh năm 1954), Trưởng ban phong tục thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu (phỏng vấn tháng 1/2026).

² Tư liệu khảo sát thực địa tại các xã Phước Hữu, Ninh Hải, Thuận Nam tỉnh Khánh Hòa và xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng (tháng 3/2026).

³ Tư liệu phỏng vấn chức sắc Kadhar Đàng Tấn Niên (sinh năm 1973) xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa (phỏng vấn tháng 5/2026).

chữ Chăm và vai trò trung tâm của Po Inur Nugar cho thấy sức sống bền bỉ của tín ngưỡng này trong đời sống tâm linh người Chăm đương đại.

Thảo luận: Những lớp thần tính tại Tháp Bà Po Nagar nhìn từ thuyết “dệt lịch sử”

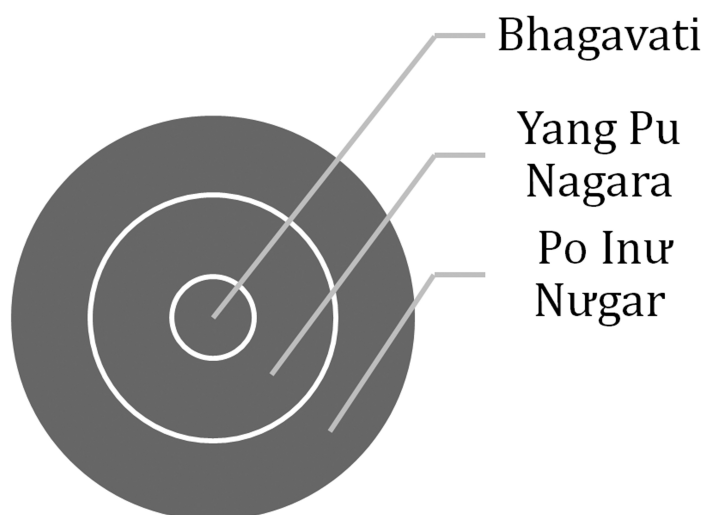
Bài viết này xem xét trường hợp Tháp Bà Po Nagar như một điển hình để làm rõ giá trị của lý thuyết “dệt lịch sử” như một công cụ diễn giải các quá trình “tích tầng” văn hóa - tôn giáo trong bối cảnh Đông Nam Á tiền hiện đại. Thay vì xem sự chuyển đổi từ Bhagavati sang Yang Pu Nagara rồi Po Inur Nugar như các giai đoạn thay đổi danh xưng mang tính đơn tuyến, cách tiếp cận này nhấn mạnh tính đồng hiện (co-presence) và tái cấu trúc liên tục của nhiều lớp thần tính trong cùng một không gian thiêng.

Cụ thể tại Tháp Bà Po Nagar, các lớp thần tính này thể hiện trong 3 tầng/hay “lớp chỉ” chính:

- *Tầng thứ nhất: “lớp chỉ trong cùng” là Hindu giáo vũ trụ luận và cấu trúc thần quyền Ấn hóa*: hình thành trong bối cảnh Hindu giáo Ấn hóa và cấu trúc thần quyền hoàng gia Champa (thế kỷ VIII - X), khi Thánh địa Kauthara - nay là Tháp Bà Po Nagar - vận hành như một trung tâm Shiva giáo. Nữ thần Bhagavati xuất hiện trong quan hệ hợp nhất với Shiva qua biểu tượng Mukhalinga, và việc các Linga mang vương hiệu cho thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa thần quyền và vương quyền. Ở giai đoạn này, thần linh không chỉ là đối tượng sùng bái mà còn là nền tảng hợp thức hóa quyền lực chính trị, phản ánh mô hình thần quyền Ấn hóa đặc trưng của Champa thời kỳ đầu ảnh hưởng Hindu giáo.

- *Tầng thứ hai: “lớp chỉ giữa” là Hindu bản địa hóa và sự hợp nhất thần quyền - vương quyền (thế kỷ XI - XIII)*: đánh dấu quá trình bản địa hóa trong nội tại hệ thống Hindu, khi danh xưng Yang Pu Nagara thay thế thuật ngữ Sanskrit là Bhagavati trong văn khắc Chăm. Sự chuyển đổi này không phải là đoạn tuyệt với Hindu giáo, mà là sự “dịch chuyển” thần tính vào ngôn ngữ và bản sắc chính trị Champa. Nữ thần vừa giữ nội hàm vũ trụ luận Ấn Độ giáo, vừa trở thành Thánh mẫu bảo hộ lãnh thổ và vương quyền. Đây là giai đoạn hoàn chỉnh của mô hình Hindu - Champa hóa, nơi thần quyền và vương quyền hợp nhất trong một cấu trúc chính danh mang tính quốc gia.

- *Tầng thứ ba: “lớp chỉ ngoài cùng” là Hậu thần quyền và dân gian hóa*: hình thành sau biến cố 1471 với sự sụp đổ của Vijaya và sự chuyển dịch trung tâm về Panduranga, khi mô hình thần quyền hoàng gia tan rã. Trong bối cảnh hậu vương triều, Yang Pu Nagara tiếp tục được tái định nghĩa thành Po Inur Nugar - Thần Mẹ cộng đồng của người Chăm. Quá trình này thể hiện sự dân gian hóa và nhân cách hóa sâu sắc: nữ thần không còn chủ yếu là biểu tượng chính trị - vũ trụ luận, mà trở thành Mẹ Xứ Sở gắn với huyền thoại sáng thế, sản sinh muôn loài và truyền dạy trồng trọt, dệt vải... Tuy nhiên, các lớp Hindu trước đó không biến mất mà tiếp tục tồn tại như những tầng ký ức tích lũy trong cấu trúc đa tầng/đa lớp của tín ngưỡng đương đại.



Hình 2: Minh họa các lớp thần tính tại Tháp Bà Po Nagar theo thuyết “Dệt lịch sử”

Thông qua lăng kính “dệt lịch sử”, có thể thấy rằng tín ngưỡng thờ Po Inur Nugar của người Chăm hiện nay như một tấm vải dệt, cấu thành từ 3 “lớp chỉ” lịch sử văn hóa đan quện vào nhau, bên ngoài là hình tượng một nữ thần bản địa, nhưng ẩn sau đó là một vị nữ thần hộ quốc mang dấu Hindu nhưng đặc thù của vương quyền Champa (Yang Pu Nagara), cuối cùng vị nữ thần có nguồn gốc sâu xa từ chính thần thoại Ấn Độ (Bhagavati). Ba lớp chỉ này không loại bỏ lớp trước đó, mà tái diễn giải và tái định vị nó trong một cấu trúc quyền lực mới và niềm tin của các nhóm chủ thể tâm linh mới. Do đó, “dệt lịch sử” một mô hình lý thuyết về ký ức văn hóa và quyền lực tôn giáo: lịch sử được kiến tạo như một tấm vải đa lớp, nơi mỗi “sợi chỉ” (hay lớp/tầng văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo) đều tiếp tục hiện diện trong cấu trúc tổng thể của một “tấm vải” lịch sử và văn hóa qua nhiều thời kỳ khác nhau.

Cách tiếp cận liên ngành và đa tư liệu cho thấy tiềm năng của phương pháp “dệt lịch sử” trong việc nghiên cứu các trung tâm tôn giáo Đông Nam Á, nơi sự giao thoa văn hóa và biến động quyền lực thường tạo ra những cấu trúc thần linh phức hợp. Trường hợp Po Nagar vì thế không chỉ là câu chuyện riêng của Champa, mà còn góp phần làm sáng tỏ cơ chế dung hợp và tái định nghĩa thần linh trong lịch sử khu vực.

Kết luận

Bằng cách vận dụng lý thuyết “dệt lịch sử”, bài viết này đã tái hiện tiến trình biến đổi tín ngưỡng tại Tháp Bà Po Nagar như một cấu trúc lịch sử đa tầng, nơi các lớp nghĩa tôn giáo, chính trị và văn hóa được đan kết liên tục qua hơn một thiên niên kỷ. Từ một trung tâm Shiva giáo hoàng gia thờ Bhagavati trong cấu trúc thần quyền Ấn hóa thế kỷ VIII - X, thánh địa Kauthara dần chuyển hóa thành không gian tôn vinh Yang Pu Nagara - “Nữ thần xứ sở” mang bản sắc Champa rõ nét trong các thế kỷ XI - XIII, trước khi tiếp tục được

nhân cách hóa và dân gian hóa thành Po Inur Nugar - Thần Mẹ cộng đồng của người Chăm hậu trung đại.

Tuy nhiên, quá trình thay đổi danh xưng và thần tính ấy không phản ánh một sự đoạn tuyệt hay thay thế hoàn toàn một đối tượng thiêng được thờ phụng, mà là tiến trình dung hợp linh hoạt giữa thần học Ấn Độ giáo, tín ngưỡng bản địa và những biến động quyền lực lịch sử. Trong bối cảnh đó, Nữ thần không còn chỉ là phối ngẫu của Shiva hay biểu tượng chính danh vương quyền, mà trở thành Thần Mẹ Xứ Sở - đáng sáng thế, bảo trợ mùa màng, sáng tạo vạn vật và trật tự xã hội trong ký ức tập thể người Chăm. Quá trình chuyển tiếp này không phải tiến trình đơn tuyến mà là sự đan xen, hòa quyện giữa các quan điểm thần tính theo từng giai đoạn lịch sử.

Sự chuyển dịch không gian thờ tự từ Kauthara về Panduranga từ thế kỷ XVII - XVIII càng cho thấy tính thích ứng văn hóa của cộng đồng Chăm trước những biến động chính trị và lãnh thổ. Dù mất đi vị thế trung tâm thần quyền hoàng gia, tín ngưỡng Po Inur Nugar không suy tàn mà tái cấu trúc trong không gian mới, tiếp tục tồn tại thông qua các huyền thoại, truyền thuyết dân gian địa phương, thánh ca và thực hành nghi lễ đương đại. Chính khả năng dung hợp và tái diễn giải liên tục này đã tạo nên sức sống bền bỉ của tín ngưỡng thờ Thần Mẹ xứ sở trong đời sống tinh thần người Chăm và cả trong sự tiếp biến với tín ngưỡng Thiên Y A Na của người Việt.

Qua trường hợp Tháp Bà Po Nagar, có thể thấy rằng lịch sử tôn giáo Champa không vận động theo mô hình thay thế tuyến tính - nơi một hệ thống bị loại bỏ để nhường chỗ cho hệ thống khác - mà theo cấu trúc tích tầng và tái nghĩa. Các lớp thần học Ấn Độ giáo, yếu tố bản địa và ký ức hậu vương triều cùng tồn tại, tương tác và tái cấu trúc lẫn nhau qua thời gian. Do đó, di tích không chỉ là một di sản cố định, bất biến, mà là một “không gian ký ức sống” liên tục - nơi các “sợi chỉ” lịch sử vẫn tiếp tục được “dệt” thêm trong hiện tại và sẽ còn được “dệt” mãi ở tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Aymonier, É. (1891). *Les Tchames et leurs religions*. Paris: Ernest Leroux.
- Dohamide và Dorohiem (1965). *Dân tộc Chăm lược sử*. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí.
- Đồng Thành Danh (2022). *Những biểu tượng, cấu trúc và động thái của văn hóa Chăm*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Đồng Thành Danh (2023). *Nagara Champa: Những phác thảo về lịch sử và nền văn minh*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Golzio, Karl-Heinz (2004). *Inscriptions of Campā*. Aachen: Shaker Verlag.
- Griffiths, Arlo & William A. Southworth (2007). “La stèle d’installation de Śrī Satyadeveśvara: une nouvelle inscription sanskrite du Campā trouvée à Phước Thiện”. *Journal Asiatique*, No 295.2, pp. 349-381.

- Inrasara (2003). *Văn hóa - Xã hội Chăm: Nghiên cứu & đối thoại*. Hà Nội: Văn học.
- Lê Trí Công (2026). “Pho tượng đá đen và dấu hoi Mahapratisara”, <https://baovanhoa.vn/van-hoa/ky-1-pho-tuong-da-den-va-dau-hoi-mahapratisara-268982.html> (truy cập ngày 10/9/2026).
- Majumdar, R. C (1927). *Ancient Indian Colonies in the Far East*, Vol. I: *Champa*. Lahore: The Punjab Sanskrit Book Depot.
- Maspero, Georges (1928). *Le Royaume de Champa*. Paris: G. Van Oest.
- Nguyễn Thế Anh (1995). “The Vietnamization of the Cham Deity Po Nagar”. *Asia Journal*. 2 (1), 55-67.
- Noseworthy, William B (2015). “The Mother Goddess of Champa: Po Ina Nagar”. *Suvannabhumi*. 7(1), 107-137.
- P.B. Lafont (2011). *Vương quốc Champa: Địa dư - dân cư - lịch sử*. San Jose: IOC Champa ấn hành.
- Po Dharma (2013). *Vương quốc Champa: Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835)*. San Jose: International Office of Champa.
- Sakaya (2003). *Lễ hội của người Chăm*. Hà Nội: Văn hóa Dân tộc.
- Sakaya (2010). *Văn hóa Chăm: Nghiên cứu và phê bình*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Sakaya (2013). *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*. Hà Nội: Tri thức.
- Sakaya (2018). *Huyền thoại và truyền thuyết Chăm*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Schweyer, Anne-Valérie (2004). “Po Nagar de Nha Trang (1re partie)”. *Aséanie*. 14, 109-140.
- Schweyer, Anne-Valérie (2005). “Po Nagar de Nha Trang (seconde partie). Le dossier épigraphique”. *Aséanie*. 15, 7-120.
- Schweyer, Anne-Valérie (2009). “Les royaumes du pays cam dans la Seconde moitié du XIe siècle”. *Péninsule*. 59 (2), 17-48
- Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Thuận (1998). *Hồ sơ di tích đền Pô Inư Nugar*. Ninh Thuận.
- Trần Kỳ Phương và Rie Nakamura (2008), “The Mỹ Sơn and Po Nagar Nha Trang Sanctuaries: On the Cosmological Dualist Cult in Champa”, trong *Proceedings of the International Conference on Cham Studies*. NUS Singapore. 145-162.
- Tuyên Đại Quang, Đồng Thành Danh và William B. Noseworthy (2023). “An abandoned Cham temple of Vietnam: the woven history of the Hòa Lai Temple from a multiple disciplinary approach”. *South East Asia Research*. DOI: 10.1080/0967828X.2023.2211778.